

Bản án số: 476/2023/HC-PT

Ngày: 28 - 6 - 2023.

V/v: *khiếu kiện quyết định hành
chính.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán : Bà Trần Thị Thu Thủy

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân
Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa :** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 147/2023/TLPT- HC ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm 1498/2022/HC-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1464/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Ung Thị H, sinh năm 1945 (vắng mặt).

Địa chỉ: 2 T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Quốc K, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: 1 B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh C – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Địa chỉ: 5 T, phường T, quận T, Tp ..

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân Quận D1.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1.

Cùng địa chỉ: Số A Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Võ Thanh D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Trần Vĩnh B – Phó Trưởng ban B1 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Kim Minh T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 2 T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Kim Minh T1, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: 19.02 Lô B chung cư I T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 31/8/1995, Kiến trúc sư trưởng Thành phố H ban hành Quyết định số 7667/KTST.QH về việc duyệt quy hoạch chi tiết sử dụng đất đai khu Công viên K, Quận D, tổng diện tích 17,6ha, phía Bắc giáp đường H nổi dài, phía Nam giáp đường 14 nổi dài, phía Đông giáp đường K, phía Tây giáp đường dự kiến.

Ngày 18/12/1998, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 6785/QĐ-UB-QLĐT về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung Quận D, trong đó định hướng xây dựng mở rộng khu công viên H, công viên giải trí Cù Lao P, công viên P, Phường A và các công viên gần khu vực nút giao thông cầu T với tổng diện tích khoảng 44ha.

Ngày 16/10/2000, Kiến trúc sư trưởng thành phố ban hành Quyết định số 10399/KTST-KT phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/1000 dự án đầu tư công trình Công viên K, Quận D, tổng diện tích 17,6ha, phía Nam giáp đường 14 nổi dài, phía Bắc giáp đường H nổi dài, phía Đông giáp đường K, phía Tây giáp đường dự kiến mở (đường B).

Ngày 24/6/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố H có Công văn số 3042/UBND-ĐT chấp thuận chủ trương giao cho Ban Q1 tiếp tục làm chủ đầu tư dự án di dời, tháo dỡ, và thu hồi đất để xây dựng công viên H (giai đoạn 3); Giao Ủy ban nhân dân D1 chỉ đạo Chủ đầu tư khẩn trương lập dự án và thực hiện theo đúng quy định; Giao Sở kế hoạch và đầu tư phối hợp với Sở T2 xem xét cân đối nguồn vốn ngân sách năm 2009 cho công tác chuẩn bị đầu tư dự án trên, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Ngày 09/12/2009, Hội đã thông qua Nghị quyết số 30/2009/NQ-HĐND về đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2010, theo đó thông qua chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2010 do Ủy ban nhân dân thành phố T tại kỳ họp gồm 283 dự án, trong đó có dự án di

dời tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng công viên H giai đoạn 3 (đính kèm danh mục dự án).

Ngày 07/4/2011, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 1558/UBND-ĐTMT ủy quyền cho Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Thông báo thu hồi đất và thực hiện thủ tục thu hồi đất theo quy định.

Ủy ban nhân dân Quận D1 đã thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án, ban hành Thông báo thu hồi đất số 62/TB-UBND ngày 07/6/2011, công bố về việc thu hồi đất tại Quyết định số 3120/QĐ-UBND-ĐT ngày 07/6/2011 (đã phê duyệt dự án bồi thường tại Quyết định số 5265/QĐ-U ngày 07/12/2011).

Căn nhà số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa số 98, tờ bản đồ địa chính số 2) do ông Nguyễn Kim Q (đã chết năm 2007) và bà Ung Thị H là chủ sử dụng bị ảnh hưởng bởi Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3).

Ngày 07/12/2011, Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 5120/QĐ-U về việc thu hồi đất thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2 và di chuyển toàn bộ căn số 2 T, Phường C, Quận D để thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên H (giai đoạn 3) (Quyết định số 5120/QĐ-U), theo đó diện đất thu hồi là 165,6m².

Ngày 09/3/2012, bà Ung Thị H có đơn khiếu nại Quyết định số 5120/QĐ-U. Ngày 20/6/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 1391/QĐ-U về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ung Thị H, nội dung: “Giữ nguyên Quyết định số 5120/QĐ-UBND-TH ngày 07/12/2011 của Ủy ban nhân dân Quận D1” (Quyết định số 1391/QĐ-U).

Không đồng ý với Quyết định số 1391/QĐ-U, bà Ung Thị H tiếp tục khiếu nại.

Ngày 10/7/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3409/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Ung Thị H, nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1391/QĐ-UBND-TH ngày 20/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Ung Thị H (Quyết định số 3409/QĐ-UBND).

Ngày 28/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 766/QĐ-U1 (GĐ3) về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại địa chỉ số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2) [(Quyết định số 766/QĐ-U1 (GĐ3)] với số tiền như sau:

- Trường hợp nhận nhà tái định cư, tổng số tiền là: 5.012.510.000 đồng (năm tỷ không trăm mười hai triệu năm trăm mười ngàn đồng).

- Trường hợp không tái định cư, nhận tiền tự lo nơi ở mới, tổng số tiền là: 5.090.430.000 đồng (năm tỷ không trăm chín mươi triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 10/5/2017, Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 1193/QĐ-U1 (GD3) về duyệt chi phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà Ung Thị H với số tiền là: 534.534.000 đồng (trường hợp tái định cư) hoặc 542.843.000 đồng (trường hợp không tái định cư). Ngoài ra, hộ bà Ung Thị H còn nhận được số tiền lãi suất gửi tiết kiệm tại ngân hàng tính đến khi nhận tiền.

Ngày 20/9/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D1 ban hành Quyết định số 2821/QĐ-U về việc cưỡng chế thu hồi đất tại địa chỉ số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2) do hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Kim Q và Ung Thị H đang sử dụng để thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên H (giai đoạn 3) (Quyết định số 2821/QĐ-U).

Do Quyết định số 2821/QĐ-U có nội dung bà H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là không đúng nên ngày 01/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 3823/QĐ-UBND-TH ngày 01/12/2017 về điều chỉnh Quyết định số 2821/QĐ-U ngày 20/9/2017, xác định bà H chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 05/12/2017, bà Ung Thị H có đơn khiếu nại Quyết định số 2821/QĐ-U. Ngày 22/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 260/QĐ-UBND-NC về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ung Thị H, nội dung: Bác bỏ toàn bộ nội dung đơn khiếu nại đề ngày 05/12/2017 của bà Ung Thị H, giữ nguyên Quyết định số 2821/QĐ-U ngày 20/9/2017 (đã được điều chỉnh tại Quyết định số 3823/QĐ-UBND-TH ngày 01/12/2017) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1.

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và bản tự khai của bà Ung Thị H thì bà H yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau: Quyết định số 766/QĐ-U1 (GD3) về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 1193/QĐUBND-KH (GD3) về duyệt chi phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Quận D1; Quyết định số 2821/QĐ-U về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 3823/QĐ-U về điều chỉnh Quyết định số 2821/QĐ-UBND-TH ngày 20/9/2017 với lý do nhà bà H không nằm trong quy hoạch Công viên H giai đoạn 3, giá bồi thường là không hợp lý nên không đủ điều kiện để ban hành quyết định cưỡng chế nhà bà.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận D1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 trình bày tại các Công văn số 3418/UBND-ĐT ngày 14/11/2018; 1613/UBND-ĐT ngày 02/7/2019; 733/UBND-ĐT ngày 29/4/2021 và 1642/UBND-ĐT ngày 07/9/2022:

Phần đất có diện tích 165,6m² thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 2, Phường C, Quận D do bà Ung Thị H sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và

quyền sử dụng đất ở số 2309/SXD do Ủy ban nhân dân thành phố cấp ngày 15/3/2004, có vị trí nằm hoàn toàn trong diện tích thu hồi để thực hiện dự án công viên H. Căn cứ Quyết định số 9531/QĐ-STC-BVG ngày 16/9/2010 của Sở T2 về duyệt Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên H (giai đoạn 3) tại Phường C, Quận D và phương án bồi thường thì việc Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 5120/QĐ-UBND-TH là đúng quy định pháp luật nên bà H trình bày nhà bà H không thuộc dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên H (giai đoạn 3) là không đúng.

Đối với việc áp dụng đơn giá bồi thường: Căn cứ tại khoản 6 Điều 210 của Luật đất đai 2013 quy định như sau: “6. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của luật này”. Như vậy, Phương án số 1746/PA-UBND ngày 07/12/2011 và Phương án số 09/PA-UBND ngày 18/01/2012 đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 (ngày Luật đất đai 2013 có hiệu lực thi hành) nên Ủy ban nhân dân Quận D1 căn cứ theo 02 Phương án nêu trên để duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên H (giai đoạn 3), trong đó có hộ bà Ung Thị H, địa chỉ số B T, Phường C, Quận D là đúng theo quy định.

Ngoài ra, thực hiện theo Văn bản số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 nên ngày 10/5/2017, Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 1193/QĐ-U1 (GD3) về duyệt chi phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình và bà Ung Thị H với tổng số tiền là: 534.534.000 đồng (nếu đăng ký tái định cư) hoặc 542.843.000 đồng (nếu tự lo nơi ở mới). Số tiền bồi thường, hỗ trợ của bà Ung Thị H đã được thực hiện gửi vào Ngân hàng N (A) – Chi nhánh 4 vào ngày 15/4/2016.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường thể hiện nhà đất của ông Q và bà H thuộc hẻm B, đường T, hẻm C, vị trí 02.

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 4 của Phương án số 09/PA-UBND ngày 18/01/2012 của Hội đồng bồi thường dự án “Đơn giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ trong dự án này được Ủy ban nhân dân thành phố P tại Văn bản số 6635/UBND-ĐTMT ngày 26 tháng 12 năm 2011 như sau: Hẻm B đường T (hẻm cấp 02, vị trí 02 đường T) đơn giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ là 28.550.000 đồng/m²”, Ủy ban nhân dân Quận D1 chiết tính bồi thường phần đất diện tích 165,6m² của bà H sử dụng theo đơn giá 28.550.000 đồng/m² là đúng theo quy định.

Về chính sách tái định cư: Dự kiến bố trí cho hộ bà Ung Thị H 01 căn hộ tại tầng trệt Chung cư S T, Phường A, Quận D có diện tích khoảng 186,10m²; đơn giá là 22.000.000 đồng/m²; giá trị căn hộ khoảng 4.094.200.000 đồng.

Do bà H không thực hiện quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 2821/QĐ-U về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất theo điểm d Khoản 3 Điều 69 và Khoản 3 Điều 71 của Luật Đất đai 2013 và Khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T3 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Kim Minh T1 và ông Nguyễn Kim Minh T trình bày: Bà Ung Thị H chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và không ai đến vận động gia đình bà H di dời. Bà T1, ông T nhận thấy Quyết định số 766/QĐ-U1 (GD3) về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 1193/QĐ-U1 (GD3) về duyệt chi phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Quận D1; Quyết định số 2821/QĐ-U về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 3823/QĐ-U về điều chỉnh Quyết định số 2821/QĐ-U là không có căn cứ pháp lý vì chưa đủ điều kiện để thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 69 của Luật Đất đai. Quyết định số 260/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà H là chưa thỏa đáng nên yêu cầu hủy các quyết định trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1498/2022/HC-ST, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 3 Điều 116, Khoản 1 Điều 158, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị H, ông Nguyễn Kim Minh T, bà Nguyễn Kim Minh T1 yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 766/QĐ-UBND-KH (GD3) ngày 28/3/2016 về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại địa chỉ số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2) trong dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3); Quyết định số 1193/QĐ-U1 (GD3) ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận D1 về duyệt chi phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại địa chỉ số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2) bị ảnh

hưởng bởi dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3); Quyết định số 2821/QĐ-U ngày 20/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 về việc cưỡng chế thu hồi đất tại địa chỉ số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2) do hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Kim Q và Ung Thị H đang sử dụng để thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3) và Quyết định số 3823/QĐ-UBND-TH ngày 01/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 về điều chỉnh Quyết định số 2821/QĐ-UBND-TH ngày 20/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/9/2022, bà Ung Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh tụng:

Luật sư Nguyễn Minh C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày: Việc xác định đất của bà H có nằm trong quy hoạch hay không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ mà bà H cung cấp, Luật sư không tranh luận về phần này.

Giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành năm 2016 tăng gấp nhiều lần so với giá đất năm 2011 nhưng khi ban hành Quyết định bồi thường cho bà H năm 2016, Ủy ban nhân dân Quận D1 vẫn tính giá bồi thường theo giá phương án là không đúng, lạc hậu so với giá tại thời điểm bồi thường. Năm 2011 thu hồi đất nhưng Ủy ban không ban hành QĐ bồi thường mà đến năm 2016 mới ban hành là không đúng quy định pháp luật; Ủy ban không thực hiện việc kiểm đếm tài sản trên đất bị thu hồi, Quyết định không bồi thường tài sản trên đất, Ủy ban cho rằng bà H xây dựng tạm nên không bồi thường là không đúng vì Giấy chứng nhận cấp cho bà H có ghi tài sản là nhà 289,2m². Việc Ủy ban ban hành quyết định bồi thường chậm trễ làm ảnh hưởng đến quyền lợi bà H. Xét thấy quyết định của Ủy ban hành không đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện ông Lê Trần Vĩnh B trình bày: Dự án Công viên H (giai đoạn 3) bắt đầu tiến hành việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ năm 2011 nhưng do không đủ kinh phí bồi thường ngay cho tất cả các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nên hộ dân nào đồng ý và có yêu cầu di dời sớm thì được nhận bồi thường ngay từ năm 2011. Hộ bà H cũng đã được thông báo bị giải tỏa nhưng không có đơn yêu cầu và khiếu nại nên đến năm 2016 Ủy ban nhân dân thành phố M chuyển kinh phí làm dự án đợt cuối cùng nên Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành quyết định và đề xuất gửi tiền vào ngân hàng là có lợi cho bà H. Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành quyết định bồi thường

theo đơn giá được phê duyệt của phương án là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân Quận D1 cũng đã tính hỗ trợ lãi suất cho bà H theo quy định và đã gửi vào ngân hàng.

Nhà đất của bà H nằm trong dự án nên dù bà H chưa nhận tiền thì vẫn thuộc trường hợp bị cưỡng chế.

Ủy ban nhân dân Quận D1 dự kiến nếu bà H nhận tái định cư tại chỗ thì sẽ được bố trí hai căn hộ liền kề số 06 và 08 có diện tích tổng là 338m² tại Chung cư S T, Phường A, Quận D theo đơn giá của phương án là 22.000.000đ/m² x tổng số diện tích nhà bà H bị thu hồi là 289,92m², phần diện tích dư ra thì bà H phải trả theo giá của năm 2020 là 45.000.000đ/m² và có thể được trả tiền chậm trong thời gian dài; nếu bà H đồng ý thì bà H kê khai di sản để tiến hành ký hợp đồng nhận tiền bồi thường và ký hợp đồng mua căn hộ theo quy định với giá như đã trình bày ở trên.

Các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành là đúng quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nhà đất của bà Ung Thị H thuộc Dự án Công viên H (giai đoạn 3) và Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành các quyết định về bồi thường, hỗ trợ là phù hợp với phương án của dự án, đúng quy định của pháp luật. Do bà H không tự nguyện giao nhà đất bị thu hồi nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định cưỡng chế là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Ung Thị H còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng

mặt. Nên, căn cứ điều 225 Bộ luật tố tụng hành chính, Tòa tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Nội dung yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và bản tự khai của bà Ung Thị H thì bà H yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau: Quyết định số 766/QĐ-U1 (GĐ3) về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 1193/QĐUBND-KH (GĐ3) về duyệt chi phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Quận D1; Quyết định số 2821/QĐ-U về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 3823/QĐ-U về điều chỉnh Quyết định số 2821/QĐ-UBND-TH ngày 20/9/2017 với lý do nhà bà H không nằm trong quy hoạch Công viên H giai đoạn 3, giá bồi thường là không hợp lý nên không đủ điều kiện để ban hành quyết định cưỡng chế nhà bà.

[4] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm đã nhận định như sau:

[4.1] Bà H cho rằng nhà bà không thuộc quy hoạch Dự án xây dựng Công viên H nhưng tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân Quận D1 cấp cho bà Ung Thị H thể hiện toàn bộ diện tích đất nằm trong khu vực quy hoạch Công viên H, phù hợp với Quyết định số 7667/KTST.QH về việc duyệt quy hoạch chi tiết sử dụng đất đai khu Công viên K, Quận D; Quyết định số 10399/KTST-KT ngày 16/10/2000 của Kiến trúc sư trưởng thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/1000 dự án đầu tư công trình Công viên K, Quận D, tổng diện tích 17,6ha, phía Nam giáp đường 14 nổi dài, phía Bắc giáp đường H nổi dài, phía Đông giáp đường K, phía Tây giáp đường dự kiến mở (đường B) và dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H chấp thuận theo Công văn số 3042/UBND-ĐT ngày 24/6/2009 về chấp thuận chủ trương giao cho Ban Q1 tiếp tục làm chủ đầu tư dự án đầu tư di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3) nên không có căn cứ chấp nhận việc trình bày của bà H.

Ngày 28/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 766/QĐ-U1 (GĐ3) về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi nhà, đất tại địa chỉ số B đường T, Phường C, Quận D nằm trong dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3) đối với bà H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

Về đơn giá bồi thường: Tại Khoản 6 Điều 210 của Luật đất đai năm 2013 quy định: *“đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của luật này”*. Dự án xây dựng Công viên Hồ Khánh H1 đã được Ủy ban nhân dân Quận D1 phê duyệt phương án bồi thường tại Phương án số 1746/PA-UBND

và Phương án số 09/PA-UBND đều trước ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực (ngày 01/7/2014) nên Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 766/QĐ-UBND-KH (GD3) ngày 28/3/2016 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà H với đơn giá bồi thường theo phương án đã được duyệt là đúng.

Ngày 21/4/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố H có Công văn số 2163/UBND – ĐTMT về việc giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tính định cư có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014, nên ngày 11/11/2016 Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 1193/QĐ-U1 (GD3) về duyệt chi phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà H. Do hộ bà H không đồng ý nhận tiền nên số tiền bồi thường, hỗ trợ của bà H đã được Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận D gửi vào Ngân hàng N (A) – Chi nhánh 4 vào ngày 15/4/2016.

[4.2] Bà H yêu cầu được tái định cư ngay trong Quận D và phải có diện tích đất bằng diện tích đất nhà bà H bị thu hồi; để đáp ứng yêu cầu tái định cư này cho bà H thì Ủy ban nhân dân Quận D1 đã đề nghị nếu bà H đồng ý nhận hai căn hộ liền kề số 06 và 08 tại Chung cư S T, Phường A, Quận D có kết cấu một trệt hai lầu, là căn hộ liền kề với tổng diện tích là 338m² và đơn giá như trong phương án đã quy định là 22.000.000đ/m² x tổng số diện tích nhà bà H bị thu hồi là 289,92m², phần diện tích thừa so với phần diện tích bị thu hồi thì bà H được quyền trả chậm theo đơn giá của năm 2020 là 45.000.000đ/m² nhưng bà H vẫn không đồng ý chính sách tái định cư này của Ủy ban nhân dân Quận D1 nên Ủy ban nhân dân Quận D1 vẫn giữ nguyên các quyết định về bồi thường, hỗ trợ đã ban hành là có căn cứ.

[4.3] Đối với Quyết định số 2821/QĐ-UBND-TH ngày 20/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 3823/QĐ-UBND-TH ngày 01/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 về điều chỉnh Quyết định số 2821/QĐ-UBND-TH ngày 20/9/2017.

Như đã nhận định ở trên thì vị trí nhà đất của bà H nằm trong quy hoạch Công viên H (giai đoạn 3), Ủy ban nhân dân Quận D1 đã ra quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường cho bà H nhưng bà H không đồng ý thực hiện các quyết định này. Theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 69 và Khoản 3 Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 2821/QĐ-U về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất.

[4.4] Quyết định số 2821/QĐ-U đã ghi nhận bà H đã nhận tiền bồi thường là chưa chính xác nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 đã ban hành Quyết định số 3823/QĐ-UBND-TH ngày 01/12/2017 về điều chỉnh Quyết định số 2821/QĐ-UBND-TH ngày 20/9/2017 là phù hợp.

[4.5] Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Quận D1 còn ban hành Quyết định số 260/QĐ-UBND-NC ngày 22/01/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ung Thị H có nội dung bác toàn bộ nội dung khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số

2821/QĐ-U (đã được điều chỉnh tại Quyết định số 3823/QĐ-U). Quyết định này được ban hành đúng thẩm quyền theo Luật khiếu nại năm 2011, nội dung quyết định đúng theo quy định của pháp luật và bà Ung Thị H không khởi kiện đối với quyết định này nên quyết định này có hiệu lực pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: bà H cho rằng diện tích đất và nhà của bà không nằm trong dự án quy hoạch công viên H (giai đoạn 3) là không có cơ sở, vì căn cứ vào các tài liệu hồ sơ, bản vẽ, các Quyết định phê duyệt dự án của D1 và UBND thành phố H thì diện tích đất và nhà của bà H nằm trong dự án giải tỏa quy hoạch dự án công viên H(giai đoạn 3). Bà H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Đối với các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận D1 và Ủy ban nhân dân thành phố H, bà H yêu cầu hủy; thấy rằng: Đối với Quyết định số 766/QĐ-U1 (GDD3) bà H cho rằng căn cứ Quyết định 5120/QĐ-UB được ban hành ngày 07/12/2011, nhưng đến ngày 28/3/2016, D1 mới ban hành Quyết định 766 về duyệt chi phí bồi thường là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà do chênh lệch về giá. Tuy nhiên xét thấy như án sơ thẩm đã nhận định; D1 căn cứ khoản 6 điều 210 luật đất đai năm 2013 để ban hành Quyết định 776/QĐ-UBND-KH là đúng quy định của pháp luật. Khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 quy định: *“đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của luật này”*. Từ các nhận định trên; Xét Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị H, ông Nguyễn Kim Minh T, bà Nguyễn Kim Minh T1 về yêu cầu hủy các Quyết định số 766/QĐ-U1 (GĐ3); Quyết định số 1193/QĐ-U1 (GĐ3); Quyết định số 2821/QĐ-U và Quyết định số 3823/QĐ-UBND-TH là đúng quy định của pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ung Thị H phải chịu án phí nhưng được miễn do thuộc trường hợp người lớn tuổi.

Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ung Thị H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1498/2022/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 3 Điều 116, Khoản 1 Điều 158, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

- Khoản 6 điều 210 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 47/2014NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị H, ông Nguyễn Kim Minh T, bà Nguyễn Kim Minh T1 yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 766/QĐ-UBND-KH (GĐ3) ngày 28/3/2016 về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại địa chỉ số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2) trong dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3); Quyết định số 1193/QĐ-U1 (GĐ3) ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận D1 về duyệt chi phí chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại địa chỉ số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2) bị ảnh hưởng bởi dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3); Quyết định số 2821/QĐ-U ngày 20/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 về việc cưỡng chế thu hồi đất tại địa chỉ số B T, Phường C, Quận D (thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 2) do hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Kim Q và Ung Thị H đang sử dụng để thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng Công viên H (giai đoạn 3) và Quyết định số 3823/QĐ-UBND-TH ngày 01/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 về điều chỉnh Quyết định số 2821/QĐ-UBND-TH ngày 20/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Ung Thị H được miễn.

3. Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thúy Hòa

Lê Văn An

